

Số: 228/BC-CTK

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Tình hình kinh tế - xã hội tháng 4 và 4 tháng năm 2023**

**I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**

**1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Trong tháng, với thời tiết mưa phùn, độ ẩm cao nhìn chung thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng, phát triển, song cũng tạo điều kiện gia tăng một số đối tượng sâu, bệnh phát sinh gây hại cây trồng, gây bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe đàn vật nuôi và thủy sản nuôi trồng; lâm nghiệp tập trung chủ yếu vào chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh, quản lý, bảo vệ rừng.

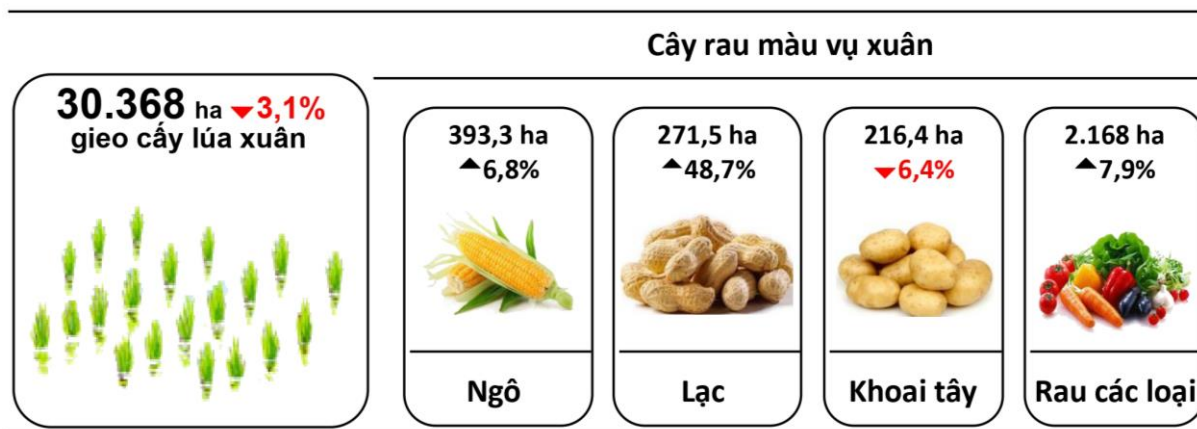
**1.1. Nông nghiệp**

a) Trồng trọt

Tháng 04, thời tiết có độ ẩm không khí cao, kèm theo mưa phùn, một số ngày âm u, nhiệt độ dao động khoảng 21-31<sup>o</sup>c. Tranh thủ thời tiết khá thuận lợi, bà con nông dân tập trung ra đồng, chăm sóc lúa, cây rau màu. Lúa đông xuân sinh trưởng, phát triển khá tốt và đang trong giai đoạn kết thúc đẻ nhánh hữu hiệu - phân hóa đòng; một số diện tích cây muện cũng đang trong giai đoạn đẻ nhánh. Tính đến nay, vụ xuân toàn tỉnh đã gieo cấy được: 29.723,5 ha, đạt 100,2% kế hoạch và bằng 97,9% so với cùng kỳ, trong đó: gieo thẳng 9.186,1 ha; cấy 20.537,4 ha. Trong đó, các giống lúa năng suất, chất lượng cao và các giống lúa tại các mô hình trình diễn đều sinh trưởng, phát triển thuận lợi, chưa phát hiện các sinh vật gây hại. Diện tích chăm sóc lần 2 với diện tích là 5.430 ha, đạt 18,3% kế hoạch và tăng 39,9% so với cùng kỳ. Ngành chức năng đang tích cực hướng dẫn nông dân chăm sóc đúng theo quy trình kỹ thuật, trong đó chú ý điều tiết nước hợp lý, ở mức vừa phải. Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, các diện tích lúa đã kết thúc đẻ nhánh hữu hiệu, cần rút nước nhằm hạn chế lúa đẻ nhánh vô hiệu. Đồng thời phân loại cụ thể các trà, giống lúa để hướng dẫn nông dân bón thúc đợt 2 đầy đủ, nhất là lượng kali tạo điều kiện cho lúa tăng số bông, gié, hạt chắc trên bông tạo tiền đề cho năng suất cao; phối hợp chặt chẽ với các Xí nghiệp KTCTTL bảo đảm đủ nước tưới dưỡng cho lúa và rau màu, nhất là cho lúa ở giai đoạn làm đòng đến trỗ bông; đồng thời tiếp tục duy trì công tác điều tra, dự

báo sinh vật gây hại trên lúa xuân, rau màu; kiểm tra, đôn đóc, chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh. Tính đến 15/4/2023, tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm là 33.630 ha, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 1: Diện tích gieo trồng một số cây hằng năm (Tính đến 15/4/2023)**



b) Chăn nuôi và hoạt động phòng, chống dịch, chữa bệnh động vật

*Hoạt động chăn nuôi:*

Tháng 02, thời tiết mùa xuân, chuẩn bị bước sang hè, trời âm dần lên, mưa phùn kéo dài, độ ẩm cao, dễ gây bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe của các đàn vật nuôi. Đồng thời, sự gia tăng vận chuyển, buôn bán hàng hóa giữa các vùng, các địa phương; thêm vào đó sau dịp Tết, các hộ chăn nuôi đều bận rộn nên việc chăm sóc đàn vật nuôi bị hạn chế và nhu cầu tái đàn thời điểm này chưa cao. Đây là những nguy cơ phát sinh dịch bệnh trên các đàn vật nuôi. Vì vậy, ngành chức năng đã khuyến cáo người chăn nuôi nên chú trọng thực hiện các biện pháp cải tạo chuồng trại thông thoáng, tránh gió lùa, mưa dột, sử dụng vôi bột hoặc hóa chất sát trùng để phun, khử chuồng trại... trước khi tái đàn vật nuôi. Bên cạnh đó, cần cung cấp thức ăn đầy đủ và đảm bảo dinh dưỡng và bổ sung vitamin, men tiêu hóa..., tiêm phòng vắc-xin và thường xuyên theo dõi quan sát dịch bệnh trên đàn vật nuôi. Thời điểm này, người chăn nuôi nên duy trì đàn giống bố mẹ để đảm bảo nguồn con giống có chất lượng; đối với những cơ sở, hộ chăn nuôi nhập con giống bên ngoài, cần tìm hiểu cơ sở có uy tín, đảm bảo chất lượng con giống phải khỏe mạnh, có nguồn gốc rõ ràng và tiêm phòng đầy đủ theo quy định.

Tính đến 01/4, đàn lợn có xu hướng tăng lên so với cùng thời điểm năm trước; chăn nuôi trâu, bò, do bãi chăn thả ngày càng bị thu hẹp số lượng tiếp tục giảm xuống; chăn nuôi gia cầm tăng lên, đặc biệt đàn gà tăng cao. Dịch bệnh trong chăn nuôi cơ bản được kiểm soát.

**Biểu 01. Số liệu đầu con vật nuôi, gia súc gia cầm**

	Đơn vị tính	Thời điểm 15/4/2023	So với cùng thời điểm năm trước (%)
Đàn trâu	Con	2.800	98,2
Đàn bò	”	25.200	95,1
Đàn lợn	”	281.000	102,1
Gia cầm	Nghìn con	5.800	104,8
Trong đó: gà	”	4.500	116,9

Lũy kế 4 tháng đầu năm 2023, sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng ước đạt 28.597 tấn, tăng tương đương với cùng kỳ năm trước, riêng tháng 4/2023 ước đạt 6.685 tấn, tăng 2,3% so với cùng tháng năm trước.

*Hoạt động phòng, chống dịch, chữa bệnh bệnh động vật<sup>1</sup>:*

Trong tháng 4, công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi luôn được chú trọng và nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao từ các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã. Vì vậy, mặc dù vào thời điểm giao mùa nhưng từ ngày 15/3/2023 đến 15/4/2023 trên địa bàn tỉnh không xảy ra ổ dịch nào trên đàn vật nuôi.

Các biện pháp phòng, chống dịch trong thời gian tới: Tiếp tục tổ chức, chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn để có biện pháp chỉ đạo, xử lý kịp thời. Khống chế và không để dịch tiếp tục lây lan. Tiếp tục đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố triển khai đến xã, phường, thị trấn việc kê khai cơ sở chăn nuôi. Tăng cường công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y. Thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện các biện pháp vệ sinh phòng dịch, áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học. Rà soát, thống kê tổng đàn vật nuôi nhằm kịp thời tiêm phòng bổ sung các loại vắc-xin cho đàn gia súc, gia cầm trong diện tiêm để chủ động phòng, chống dịch.

### **1.2. Lâm nghiệp**

Trong tháng, ngành chức năng đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương có rừng thực hiện tốt công tác tuần tra, bảo vệ rừng; duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng. Chỉ đạo và hướng dẫn các hộ có rừng chăm sóc rừng trồng hiện có như phát cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn nhằm giúp cho cây trồng chính có đủ không gian sống, sinh trưởng và phát triển tốt, vun gốc, bón phân cho cây trồng và tỉa thưa cây cong queo, sâu bệnh,

<sup>1</sup> Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

cây cụt ngọn, chỉ giữ lại những cây khỏe mạnh, có tán cây cân đối, thẳng, tròn đều, mật độ cây theo đúng hướng dẫn kỹ thuật...

Trồng và chăm sóc rừng: Các địa phương, đơn vị triển khai kế hoạch trồng cây phân tán năm 2023 theo kế hoạch của UBND tỉnh. Trong tháng 4, toàn tỉnh trồng được 25 nghìn cây lâm nghiệp phân tán các loại, tạo cảnh quan môi trường, giảm 4,58% so với cùng kỳ năm trước.

Khai thác gỗ và lâm sản: Ước tính trong tháng 4, toàn tỉnh khai thác được 220 m<sup>3</sup> gỗ, giảm 9,09% so với cùng kỳ, sản lượng củi khai thác được 320 ste, giảm 7,3%. Sản lượng gỗ củi khai thác chủ yếu là ở cây trồng phân tán đến tuổi thu hoạch trên các trục đường giao thông, trong vườn tạp của các hộ gia đình, bờ nương và một số tuyến đường cần giải phóng mặt bằng để nâng cấp. Khai thác rừng tập trung không đáng kể, vì rừng trồng tập trung ở Bắc Ninh chủ yếu là rừng phòng hộ.

### **1.3. Thủy sản**

Trong tháng 4, thời tiết không thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển của các đối tượng cá nuôi do biên độ nhiệt dao động trong khoảng 21,3<sup>0</sup>C - 27,0<sup>0</sup>C, tuy nhiên trong tháng xen kẽ giữa các đợt nắng, có các đợt mưa nồm ẩm, trời nhiều mây, âm u, ít nắng do vậy tại một số vùng nuôi trồng thủy sản trong ao đất như: xã Bình Dương (huyện Gia Bình), nuôi lồng trên sông xã Mão Điền (Thuận Thành), xã Minh Tân (Lương Tài)... có hiện tượng cá nheo Mỹ (cá lạng đen), cá trắm cỏ và cá chép ở một số hộ nuôi bị chết rải rác, cá chết có biểu hiện mất nhớt, mòn vây, gốc vây xuất huyết, hậu môn tím đỏ và loét. Nguyên nhân ban đầu xác định chủ yếu do thời điểm giao mùa các bệnh do vi khuẩn, ký sinh trùng gây hại phát triển. Đơn vị thú y đã phối hợp với Trung tâm quan trắc môi trường và bệnh thủy sản Miền Bắc thực hiện công tác lấy mẫu quan trắc và hướng dẫn xử lý môi trường phòng, trị bệnh cho thủy sản nuôi kịp thời.

Về các loại cá thương phẩm tiêu thụ ổn định, nguồn cung dồi dào, giá cá thương phẩm cao với cùng kỳ năm 2022, việc tiêu thụ một số đối tượng cá nuôi lồng như: Cá chép giòn, cá diêu hồng thuận lợi hơn với cùng kỳ (cá rô phi đơn tính loại 1 là 36.000-38.000đ/kg, giá cá chép loại 1 là 46.000-48.000/kg, cá diêu hồng loại 1 là 54.000-56.000đ/kg, cá trắm cỏ loại 1 là 46.000-48.000/kg, cá lạng đen là 110.000-120.000đ/kg). Giá cá ngành sông 115.000-120.000đ/kg, giá cá trắm đen, chép giòn 130.000-150.000đ/kg. Riêng cá nheo Mỹ, do ảnh hưởng của nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc nên mặc dù giá vẫn giữ ổn định nhưng sức tiêu thụ chậm so với cùng kỳ và các tháng trước.

Tính đến giữa tháng 4, diện tích ước đạt 4.787 ha, nâng 99,14% so cùng kỳ năm 2022. Số lượng lồng nuôi trên sông duy trì đạt 2.485 lồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2022 (tăng 76 lồng). Tổng sản lượng thủy sản tháng 4/2023 ước đạt 2.439 tấn, tăng 1,63 so với cùng kỳ năm 2022; trong đó: Sản lượng nuôi trồng trong ao đất ước đạt 2.106 tấn; sản lượng cá lồng ước đạt 250 tấn; thủy sản khác ước đạt 23,5 tấn; sản lượng khai thác 59,6 tấn đạt, tăng 7,97%.

Lũy kế đến hết tháng 4, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 13.398 tấn, đạt 32,7% so với kế hoạch (trong đó, sản lượng nuôi cá trong ao đất đạt 11.182 tấn; nuôi lồng bè đạt 1.740 tấn; sản lượng thủy sản khác đạt 146,5 tấn; sản lượng khai thác đạt 329,6 tấn) và bằng 100,5% so với cùng kỳ năm trước. Toàn tỉnh đã sản xuất được 79,5 triệu con giống các loại (cá bột đạt 44,3 triệu con, cá hương 20,5 triệu con, cá giống đạt 15,5 triệu con), đạt 34,6% kế hoạch năm 2023, bằng 101,5% so với cùng kỳ.

## **2. Sản xuất công nghiệp**

Kinh tế thế giới tiếp tục gặp những khó khăn, nhu cầu nhiều mặt hàng sụt giảm đã trực tiếp tác động lên hoạt động sản xuất công nghiệp cho xuất khẩu. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 4/2023 tiếp tục giảm nhiều (-19,61%) so với cùng tháng năm trước, tính chung 4 tháng năm 2023 giảm (-18,47%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó, ngành cấp 2 trọng điểm của tỉnh là: SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học giảm nhiều, tháng 4/2023 (-21,02%) và 4 tháng 2023 (-19,65%). Nguyên nhân sụt giảm nhiều do ngành công nghiệp tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn khi đơn hàng của nhiều doanh nghiệp công nghiệp liên tục giảm, chi phí đầu vào không ngừng tăng cao.

### **2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)**

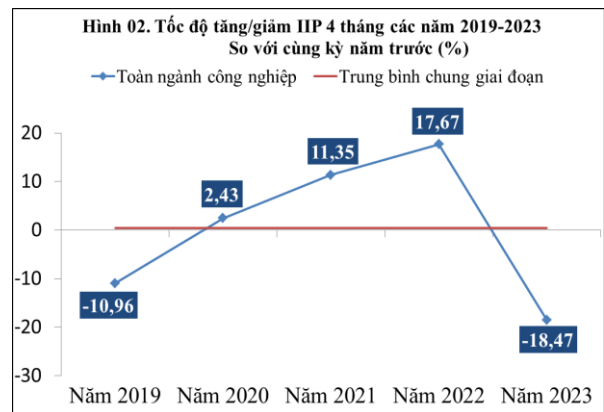
Trong tháng, các đơn đặt hàng của các doanh nghiệp công nghiệp vẫn duy trì ở mức thấp, đây là những khó khăn hiện nay đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp, đặc biệt với các sản phẩm xuất khẩu, chủ yếu là sản phẩm thuộc các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tuy nhiên có tăng so với tháng trước; cụ thể: IIP của tháng 4/2023 so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là: (+4,16%), nhưng (-19,61%). Diễn biến chung toàn ngành, biểu hiện ở các ngành công nghiệp cấp 1, cấp 2 tương ứng các gốc so sánh như sau:

So với tháng trước: Toàn ngành công nghiệp tăng (+4,16%), trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo (+4,15%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (+7,21%); ngành công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+1,47%). Trong

tháng, có 17/24 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số IIP dương, trong đó ngành trọng điểm sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học, đạt mức tăng khá (+6,44%) (chủ yếu tăng các sản phẩm như: Linh kiện điện tử (+10,75%); điện thoại thông minh dưới 3 triệu đồng (+37,57%); điện thoại thông minh có giá trên 10 triệu đồng tăng gấp 2 lần); một số ngành khác có chỉ số sản xuất tăng như khá như: Dệt (+4,64%); may mặc (+5,08%); SX thuốc, hóa dược và dược liệu (+13,16%); SXSP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (+8,24%).

So với cùng tháng năm trước: Toàn ngành công nghiệp giảm nhiều (-19,61%). Hiện nay, các thị trường xuất khẩu chính như: Mỹ, EU, Nhật Bản đều suy giảm do lạm phát, lãi suất tăng cao, sức tiêu dùng giảm; chỉ số tồn kho khá lớn đối với mặt hàng điện tử và may mặc. Theo kết quả điều tra, có 12/24 ngành cấp 2 có chỉ số IIP giảm như: SX trang phục (-37,25%); SX giấy và SP từ giấy (-14,87%); In, sao chép bản ghi các loại (-44,02%); SX thiết bị điện (-41,65%); ... Đặc biệt, ngành SXSP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học bị giảm nhiều (-21,02%), là ngành có tác động chính đến chỉ số IIP chung toàn ngành giảm. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại vẫn có 50% ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số IIP tăng, song đây đều là những ngành chiếm tỷ trọng nhỏ, cụ thể một số ngành có chỉ số IIP tăng cao như: SX máy móc và thiết bị chưa được phân vào đầu (+26,31%); SX thuốc, hoá dược và dược liệu (+15,39%); SX phương tiện vận tải khác (+11,21%); SX đồ uống (+9,57%); SXSP từ khoáng phi kim loại khác (+9,09%).

Tính chung 4 tháng, IIP toàn ngành công nghiệp giảm sâu (-18,47%) so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức giảm thấp nhất trong 5 năm qua. Trong đó, diễn biến ở các ngành như sau: Ngành công nghiệp chế biến chế tạo (-18,59%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng nhẹ (+0,88%) và ngành công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+6,32%). Trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, có 14/20 ngành cấp 2 có chỉ số giảm, một số ngành có mức giảm nhiều là: In, sao chép bản ghi các loại (-38,68%); Sản xuất trang phục (-33,8%); Sản xuất thiết bị điện (-29,92%); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (-25,47%). Ở chiều ngược lại, có 6/20 ngành cấp 2 có chỉ số tăng, tăng cao nhất là các ngành: Sản xuất đồ uống (+31,48%); Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu (+18,24%); Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (+17,15%).



**Biểu 02. Tốc độ tăng/giảm IIP 4 tháng các năm 2019-2023  
so với cùng kỳ năm trước của một số ngành công nghiệp trọng điểm**

	ĐVT: %				
	2019	2020	2021	2022	2023
Sản xuất trang phục	11,05	-5,84	46,00	22,74	-33,80
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	9,76	1,30	16,58	13,89	-25,47
Sản xuất kim loại	11,06	-13,83	18,06	-1,28	-1,95
SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học	-14,17	4,22	10,06	19,97	-19,65
Sản xuất thiết bị điện	14,62	-23,02	19,87	-5,99	-29,92
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-13,55	-56,31	18,22	-34,27	-7,78

### 2.2. Sản phẩm công nghiệp

Tháng 4/2023, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do nhu cầu thị trường vẫn ở mức thấp. Tuy nhiên trong tháng, các doanh nghiệp công nghiệp đã bước vào chu kỳ sản xuất, có nhiều sản phẩm đã tăng trở lại so với tháng trước. Diễn biến xu hướng của sản phẩm chủ yếu tương ứng các gốc so sánh như sau:

So với tháng trước, có 13/23 sản phẩm chủ yếu có mức tăng, trong đó có 01/06 sản phẩm trọng điểm của tỉnh đó là, linh kiện điện thoại (+10,75%). Ở chiều ngược lại, có 10/23 sản phẩm chủ yếu giảm, trong đó có 05/06 sản phẩm chủ lực của tỉnh là: Máy in (-2,56%); Điện thoại di động thường (-21,64%); Điện thoại thông minh (-1%); Đồng hồ thông minh (-12,13%) và Pin điện thoại các loại giảm mạnh (-56,03%).

So với cùng tháng năm trước, có 13/23 sản phẩm chủ yếu của tỉnh có mức giảm, trong đó 100% sản phẩm trọng điểm của tỉnh bị giảm, cụ thể: Máy in (-48,17%); Điện thoại di động thường (-36,48%); Điện thoại thông minh (-31,32%); Đồng hồ thông minh (-16,19%); Linh kiện điện tử (-13,71% và Pin điện thoại các loại giảm nhiều nhất (-55,3%). Bên cạnh đó, có 10/23 sản phẩm chủ yếu đạt mức tăng, trong đó tăng cao nhất là các sản phẩm: Dược phẩm có chứa Vitamin (+35,42%); Tủ bằng gỗ (+33,16%); Thức ăn gia súc (+22,84%); Bê tông trộn sẵn (+20,97%).

**Biểu 03. Sản lượng các sản phẩm công nghiệp trọng điểm tháng 4/2023**

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 4 năm 2023	Tháng 4/2023 so với tháng 3/2023 (%)	Tháng 4/2023 so với tháng 4/2022 (%)
1. Máy in-copy	1000 cái	674	97,4	51,8
2. Điện thoại di động thường	1000 cái	2.126	78,4	63,5
3. Điện thoại thông minh	1000 cái	3.099	99,0	68,7
4. Đồng hồ thông minh	1000 cái	1.882	87,9	83,8
5. Linh kiện điện tử	Tỷ đồng	31.436	110,8	86,3
6. Pin điện thoại các loại	1000 viên	5.667	44,0	44,7

Tính chung 4 tháng, phần lớn các sản phẩm chủ yếu của tỉnh (16/23 sản phẩm) đều bị sụt giảm so với cùng kỳ. Các sản phẩm có mức giảm nhiều là: Máy in (-47,08%); Bàn bằng gỗ các loại (-38,16%); Quần áo mặc thường (-37,25%),... Bên cạnh đó vẫn có 7/23 sản phẩm có mức tăng, cụ thể các sản phẩm có mức tăng là:

**Biểu 04. Sản lượng sản phẩm công nghiệp có chỉ số tăng 4 tháng năm 2023**

	Đơn vị tính	Ước tính 4 tháng năm 2023	Tháng 4/2023 so với tháng 4/2022 (%)
1. Giấy và bìa khác	Tấn	183.755	103,1
2. Dược phẩm có chứa Vitamin	Kg	177.965	129,5
3. Kính các loại	Tấn	53.264	105,6
4. Ruột phích, ruột bình khác	1000 cái	6.292	106,2
5. Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M <sup>3</sup>	122.607	127,1
6. Tủ bằng gỗ (trừ tủ bếp)	Cái	9.842	125,7
7. Điện thương phẩm	Tr.kwh	2.499	100,9

Hiện nay, tình hình chính trị thế giới còn diễn biến phức tạp, giá các loại nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, đặc biệt là giá xăng dầu tiếp tục có xu hướng tăng gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, các doanh nghiệp cần cố gắng duy trì ổn định sản xuất với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước nói chung và của tỉnh nói riêng.

### **2.3. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp**

Sản xuất công nghiệp tháng 4/2023 có phần cải thiện so với tháng 3/2023 nhưng vẫn thấp vì vậy, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/4/2023 chỉ tăng nhẹ (+0,43%) so với tháng trước, do tình hình sản xuất, kinh doanh hiện vẫn gặp khó khăn. Cùng xu hướng với quy mô sản xuất công nghiệp, chỉ số sử dụng lao động so với cùng thời điểm 01/4/2022 giảm nhiều (-13,13%). Cụ thể, theo loại hình doanh nghiệp: Lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp Nhà nước so với các gốc so sánh cùng thời điểm tháng trước và cùng thời điểm năm trước lần lượt là (+0,07%) nhưng (-5,39%); doanh nghiệp ngoài Nhà nước (-4,56%) và (-19,55%); Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (+1,17%) nhưng (-12,32%). Cũng tại thời điểm trên, xét theo ngành công nghiệp cấp I cho thấy: Lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (+0,43%) nhưng (-11,03%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí, giữ nguyên và tăng nhẹ (+0,65%); ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+0,4%) nhưng (-3,5%).

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp (-10,9%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (-11,03%); ngành sản xuất



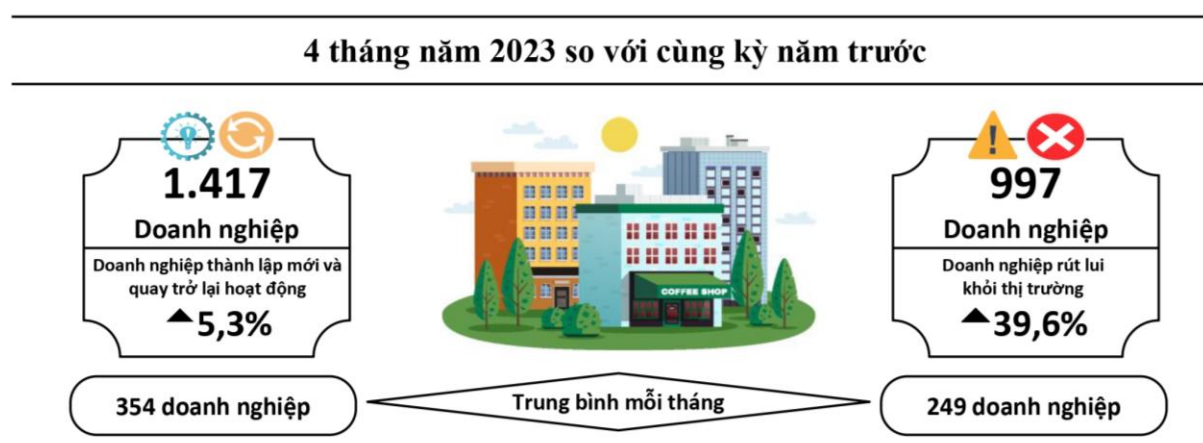
và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí (+0,41%); ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (-4,86%). Xét theo loại hình: Các doanh nghiệp Nhà nước có quy mô lao động (-5,96%); Doanh nghiệp ngoài Nhà nước (-10,6%) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm nhiều nhất (-11,05%) đã tác động trực tiếp làm giảm quy mô lao động chung của các doanh nghiệp công nghiệp.

### 3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp<sup>2</sup>

Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tháng 4/2023 tiếp tục được cải thiện, là tháng thứ 2 liên tiếp tăng ở cả 2 góc so sánh, tháng trước và cùng tháng năm trước. Đặc biệt, tổng vốn đăng ký tăng đột biến, gấp hơn 2,6 lần tháng trước và gấp hơn 5,2 lần cùng tháng năm trước, tương tự vốn đăng ký bình quân trên 1 doanh nghiệp thành lập mới lần lượt tăng (+76,1%) và gấp hơn 3,2 lần. Yếu tố này đã kéo lũy kế 4 tháng đầu năm 2023 bao gồm số doanh nghiệp thành lập mới, tổng số vốn đăng ký, vốn đăng ký BQ 1 doanh nghiệp thành lập mới tăng rất cao. Tuy nhiên, ở 1 góc độ khác thì số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường cũng tăng rất cao cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn.

Tháng 4/2023, số doanh nghiệp thành lập mới là 405 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký bổ sung là 8.338 tỷ đồng, tăng đột biến ở cả 2 góc so sánh, tháng trước và cùng tháng năm trước là: (+50,6%) và (+63,6%) về số doanh nghiệp; tăng gấp (gần 2,7 lần) và (gấp hơn 5,2 lần) tổng vốn đăng ký bổ sung. Vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp thành lập mới đạt 20,6 tỷ đồng, (+76,1%) và (gấp hơn 3,2 lần); 92 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (+100%) và (+22,7%); 154 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, (+126,5%) và (+27,3%); 29 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, (+16%) và (+70,6%).

#### Hình 03. Tình hình đăng ký doanh nghiệp



<sup>2</sup> Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư

*Tính chung 4 tháng*, toàn tỉnh có 1.073 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 16.231 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước, tăng 21,7% về số doanh nghiệp và tăng gấp hơn 2 lần về tổng vốn đăng ký bổ sung. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 15,1 tỷ đồng tăng 74,4% so với cùng kỳ năm trước. Cũng trong 4 tháng đầu năm, có 112 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, (+23,1%) so với cùng kỳ; 885 doanh nghiệp tạm dừng hoạt động, (+42,1%). Ở chiều ngược lại, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (-25,9%) tương đương với 344 doanh nghiệp. Đối với số doanh nghiệp gia nhập thị trường (+5,3%) so với cùng kỳ năm trước và bằng 142,1% số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng kinh doanh. Điều này cho thấy xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh có tín hiệu khá tốt. Ngoài ra, có 111 doanh nghiệp chuyển đổi loại hình, (+14,4%) nhằm thích nghi theo mô hình hoạt động phù hợp hơn.

*Lũy kế đến 18/4/2023*, trên địa bàn tỉnh có 20.349 DN đã đăng ký, giảm 2,9% so với cùng thời điểm năm trước, với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 364.605 tỷ đồng, tăng 9,3% và 4.889 đơn vị trực thuộc, tăng 14,7%.

#### **4. Đầu tư**

*Mặc dù tỉnh đã có nhiều biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 tuy nhiên tháng 4/2023 vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tiếp tục giảm (-8,4%) so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2023 giảm khá (-9,1%) so với cùng kỳ năm trước. Về thu hút đầu tư FDI, số lượng dự án và vốn đăng ký mới tiếp tục tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, tăng gấp hơn 2,4 lần về số dự án đăng ký mới và gấp hơn 5 lần về vốn đăng ký mới, tuy nhiên vốn điều chỉnh đạt thấp chỉ bằng gần 11% cùng kỳ năm trước.*

##### **4.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN do địa phương quản lý**

*Tháng 4*, ước tính VĐTNSNN đạt 378 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+3,4%) nhưng (-8,4%). Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 190 tỷ đồng, (+1,2%) và (+8,5%); vốn ngân sách cấp huyện đạt 95 tỷ đồng, (+7,6%) nhưng (-33,3%); vốn ngân sách cấp xã đạt 92 tỷ đồng, (+3,9%) nhưng (-2,1%).

*Lũy kế 4 tháng*, VĐTNSNN đạt 1.394 tỷ đồng, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của ngân sách địa phương đạt 19,6% kế hoạch vốn năm 2023.

*Cụ thể, phân theo cấp quản lý:*

+ Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh, ước đạt 700 tỷ đồng, bằng 13,9% kế hoạch năm, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, vốn cân đối ngân sách tỉnh đạt 595 tỷ đồng, bằng 23,9%, tăng 1,9%; vốn TW hỗ trợ đầu tư theo

mục tiêu đạt 104 tỷ đồng, bằng 4,1%, tăng 41,4%. Các công trình trọng điểm của tỉnh như: Dự án mở rộng Trung tâm y tế huyện Thuận Thành; Dự án đầu tư mở rộng Bệnh viện Sản Nhi Bắc Ninh; Đầu tư xây dựng trung tâm Cảnh sát thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh; Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành,...

+ Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện, ước đạt 316 tỷ đồng, bằng 18,9%, giảm 42,1%, trong đó: Vốn cân đối ngân sách huyện đạt 282 tỷ đồng, bằng 18,5%, giảm 44,4%; vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 35 tỷ đồng, bằng 22,8%, giảm 13,1%. Các công trình trọng điểm của cấp huyện như: Nút giao thông phía Tây Nam- TP Bắc Ninh; Hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Phong Khê- TP Bắc Ninh; Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở số 1 Hạp Lĩnh- TP Bắc Ninh; Đầu tư xây dựng trường THCS xã Phương Liễu huyện Quế Võ; Đường lối UBND xã Châu Phong mới (thôn Thất Giang đi UBND xã)...

+ Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã, ước đạt 378 tỷ đồng, bằng 25,1%, tăng 15%, trong đó: Vốn cân đối ngân sách xã đạt 365 tỷ đồng bằng 25,2%, tăng 16,2%; vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 13 tỷ đồng bằng 22,8%, giảm 10,1%. Các công trình trọng điểm của cấp xã như: Nâng cấp cải tạo đường giao thông nông thôn Mao Lại; xây dựng hệ thống chiếu sáng đường giao thông các thôn trong xã Bằng An - Thị xã Quế Võ; đường vào khu Thượng Khắc Niệm- TP Bắc Ninh; đường giao thông thôn Tư Thế; Trường mầm non xã Nguyệt Đức; đường giao thông xã Phương Mao - TX Quế Võ,...

## ***4.2. Hoạt động thu hút đầu tư trong nước và trực tiếp nước ngoài<sup>3</sup>***

### ***4.2.1. Thu hút đầu tư trong nước***

*Tính từ đầu năm đến 20/4/2023*, toàn tỉnh đã cấp mới đăng ký đầu tư cho 8 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 2.288,5 tỷ đồng; cấp đăng ký đầu tư điều chỉnh cho 27 dự án đầu tư trong đó có 8 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh giảm 765,2 tỷ VNĐ (trong đó: 05 dự án tăng vốn 204,5 tỷ đồng; 03 dự án giảm vốn 969,6 tỷ đồng); thực hiện thu hồi 16 dự án với tổng số vốn đầu tư là 64 tỷ đồng. *Riêng trong tháng 4*, cấp đầu tư cho 02 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 1.014,7 tỷ đồng; cấp điều chỉnh cho 8 dự án đầu tư, trong đó có 04 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh giảm 138,8 tỷ đồng (trong đó: 03 dự án tăng vốn 61,2 tỷ đồng; 01 dự án giảm vốn 200 tỷ đồng).

*Lũy kế đến ngày 20/4/2023*: Tỉnh Bắc Ninh đã cấp 1.536 dự án đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư sau điều chỉnh đạt 254.692 tỷ đồng, trong đó cấp đầu tư cho 21 dự án hạ tầng KCN nguồn vốn trong nước là 35.875 tỷ đồng.

#### 4.2.1. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI

Nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược, tỉnh Bắc Ninh tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư; hoàn thiện quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan; chuẩn bị sẵn sàng về nguồn nhân lực, mặt bằng. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp Visip2, Yên Phong 2A, Yên Phong 2C, Thuận Thành 1, Gia Bình I, Gia Bình II và các cụm công nghiệp theo quy hoạch. Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý dự án sau đầu tư, với nhiều kế hoạch xúc tiến doanh nghiệp năm 2023 được tỉnh kỳ vọng là năm đột phá thu hút đầu tư.

**Biểu 07. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép**

	Từ 01/01 đến 20/4/2023 (Triệu USD)	So với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>703</b>	<b>44,7</b>
Vốn đăng ký mới	506,1	505,1
Vốn điều chỉnh	154,8	10,9
Góp vốn, mua cổ phần	6,3	21,2
Thu hồi	35,7	167,6

Tính từ đầu năm đến 20/4/2023, toàn tỉnh đã thu hút được về số lượng là 77 dự án FDI đăng ký cấp mới (tăng 45 dự án) so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký mới đạt 506,1 triệu USD (tăng 406,1 triệu USD); ngoài ra, điều chỉnh vốn cho 47 dự án (tăng 5 dự án), với số vốn điều chỉnh tăng là 154,8 triệu USD, (giảm 1.265,2 triệu USD); góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp 14 lượt (tăng 1 lượt) với giá trị là 6,3 triệu USD (giảm 23,4 triệu USD); thu hồi 18 dự án (tăng 7 dự án) với tổng vốn đầu tư là 35,7 triệu USD (tăng 14,4 triệu USD). Riêng trong tháng 4, cấp mới đăng ký đầu tư cho 22 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 25,49 triệu USD; điều chỉnh vốn cho 16 dự án với số vốn điều chỉnh tăng là 71,72 triệu USD; 08 lượt ra thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức kinh tế với giá trị là 4,9 triệu USD; Thu hồi 11 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 18,3 triệu USD.

Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 1.878 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký sau điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp đạt 23.999 triệu USD.

#### 5. Thương mại-dịch vụ; Chỉ số giá tiêu dùng; Xuất nhập khẩu

Quy mô các hoạt động thương mại dịch vụ tháng 4 và tính chung 4 tháng đầu năm 2023 tăng mạnh so với cùng tháng năm trước, đặc biệt là ngành du lịch lữ hành và dịch vụ lưu trú, ăn uống. Đây là những dấu hiệu tích cực khi đời

<sup>3</sup> Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư

sống sinh hoạt của người dân dần trở về trạng thái của những năm trước dịch Covid-19. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 3 tháng đầu năm 2023 (do số liệu xuất nhập khẩu không có số liệu ước tính tháng 4/2023 - theo nguồn của Tổng cục Hải quan) đạt 16,9 tỷ USD, giảm nhiều (-17,96%) so với cùng kỳ năm trước, tính đến hết tháng 3/2023, Bắc Ninh đang xếp thứ 2 cả nước sau TPHCM. Cán cân thương mại 3 tháng đầu năm 2023 xuất siêu 2,3 tỷ USD.

### 5.1. Lưu chuyển hàng hoá - dịch vụ

Đạt được kết quả như vậy, là nhờ các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và sự quan tâm chỉ đạo, điều hành của tỉnh trong bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu, điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu; kiểm chế lạm phát, bảo đảm cung ứng hàng hóa trên thị trường. Qua đó, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, phục vụ kịp thời cho sản xuất, tiêu dùng và không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, đầu cơ, sốt giá, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống nhân dân.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4/2023 ước đạt 8.239 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+1,5%) và (+19,9%). Cụ thể, xét theo ngành hoạt động:

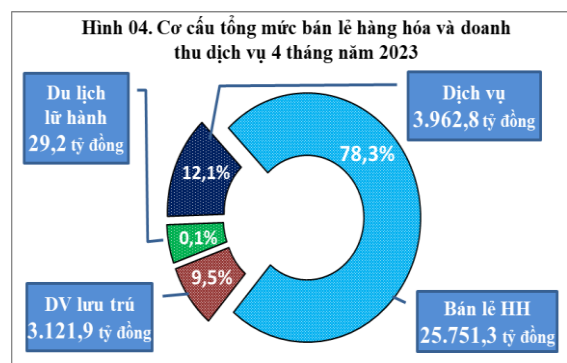
+ Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 6.406,6 tỷ đồng: So với tháng trước, tăng 2,3%, trong đó chỉ có 01/11 nhóm hàng có chỉ số giảm là nhóm Phương tiện đi lại (-0,4%), còn lại 10/11 nhóm hàng hóa đều tăng; so với cùng tháng năm trước, tăng khá cao (+20,5%) với 10/11 nhóm hàng tăng, trong đó tăng cao nhất là các nhóm hàng: Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (+44,5%); Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ (+33,9%); Vật phẩm, văn hoá, giáo dục (+30,4%);... riêng nhóm hàng xăng, dầu các loại giảm (-2,4%).

+ Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, ước đạt 812 tỷ đồng, (+3,1%) so với tháng trước và tăng cao (+59,3%) so với cùng tháng năm trước;

+ Doanh thu dịch vụ du lịch và lữ hành, ước đạt 8,4 tỷ đồng, (+10,8%) so với tháng trước và tăng rất cao (+171,3%) so với cùng tháng năm trước;

+ Riêng doanh thu các ngành dịch vụ đạt 1.012,3 tỷ đồng, giảm ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-4,4%) và (-2,7%).

Tính chung 4 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 32.865 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước (+24,5%), trong đó cả 4 ngành dịch vụ đều tăng cụ thể như sau: Dịch vụ du lịch và lữ hành tăng cao nhất gấp 3,5 lần, tiếp theo là ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống (+52,7%); ngành bán lẻ hàng hóa (+26,2%) và ngành dịch vụ (+0,4%).



## 5.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tiếp tục được kiểm soát, không có hiện tượng tăng giá đột biến. CPI tháng 4/2023 tăng nhẹ (+0,26%) so với tháng trước, (+2,89%) so với cùng tháng năm trước và (+1,53%) so với tháng 12/2022. Bình quân 4 tháng đầu năm 2023, CPI tăng khá cao (+3,48%) so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên, có xu hướng giảm hơn so với bình quân 3 tháng đầu năm 2023 là (+3,67%). Các yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI chủ yếu do nhóm hàng giao thông giảm nhiều (-2,95%).

### a) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

So với tháng trước, CPI tăng 0,26%, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 7/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng; diễn biến một số nhóm hàng chính như sau:

- Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng, có mức tăng cao nhất (+0,87%): Do giá dịch vụ sửa chữa nhà (+0,92%), bởi giá công thợ các loại đồng loạt tăng và giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở (+0,44%) do ảnh hưởng của giá mặt hàng sắt thép, đá dăm, cát đều tăng; Bên cạnh đó thời tiết nắng, nóng, nhu cầu dùng điện tăng cao nên giá điện (+5,99%) làm tăng chỉ số giá chung của nhóm.

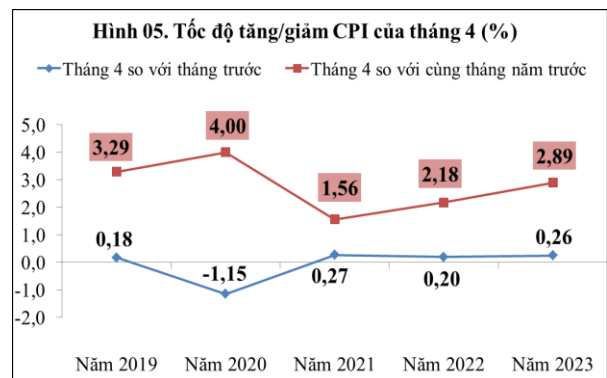
- Giao thông (+0,73%): Do giá xăng dầu được điều chỉnh tăng 02 lần trong tháng vào ngày 03/4, ngày 11/4 và điều chỉnh giảm 01 lần vào ngày 21/4 làm cho giá nhiên liệu (+1,02%), trong đó xăng (+1,10%);

- May mặc, giày dép và mũ nón (+0,43%) do thời tiết chuyển sang hè và sắp có đợt nghỉ lễ kéo dài nên nhu cầu mua sắm quần áo tăng, cụ thể: Giá quần áo may sẵn (+0,64%); May mặc khác và mũ nón (+0,15%); Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,42%); do nhu cầu về các thiết bị và đồ dùng gia đình phục vụ người dân tăng lên như điều hòa nhiệt độ (+2,03%); Tủ lạnh (+0,67%); Quạt điện (+1,76%); Đồ uống và thuốc lá (+0,09%) do giá của rượu các loại (+0,45%);

- Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,02%) do giá đồ dùng cá nhân (+0,33%); trong đó chủ yếu do giá dụng cụ cá nhân +0,53% và đồ trang sức +1,65%;

- Giáo dục tăng nhẹ (+0,01%) chủ yếu do giá các SP từ giấy (+0,24%);

- Nhóm bưu chính viễn thông giữ nguyên so với tháng trước.



- Còn lại 3 nhóm có chỉ số giá giảm nhẹ, trong đó, giảm nhiều nhất là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống cũng chỉ ở mức (-0,18%); nhóm Văn hóa, giải trí và du lịch (-0,12%), do nhu cầu về một số mặt hàng giảm nên giá giảm như cây, hoa cảnh (-25,2%), ti vi màu (-0,55%); nhóm Thuốc và dịch vụ y tế giảm nhẹ (-0,02%) do giá nhập các mặt hàng thuốc tác dụng trên đường hô hấp (-0,96%).

*So với cùng tháng năm trước*, CPI tăng khá cao (+2,89%), trong đó có 9/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số tăng, các nhóm hàng có mức tăng cao là:

- Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+7,98%) do giá điện sinh hoạt (+26,82%) và giá thuê nhà ở (+9,08%);

- Văn hóa, giải trí và du lịch (+3,97%) do giá vé thuê chỗ chơi thể thao (+10,56%) và giá du lịch trong nước (+13,82%);

- Hàng hóa và dịch vụ khác (+3,45%) do giá dịch vụ phục vụ cá nhân (+6,74%); dịch vụ hiếu hỉ (+5,91%);

- May mặc, giày dép và mũ nón (+2,64%) do giá vải các loại (+6,13%); quần áo may sẵn (+3,83%), trong đó có mặt hàng quần áo cho trẻ sơ sinh (từ 0 đến 2 tuổi) (+14,4%).

Ở chiều ngược lại có 2 nhóm hàng có chỉ số giá giảm

- Giao thông (-4,3%) do giá nhiên liệu (-15,34%), trong đó mặt hàng xăng (-15,68%), dầu diesel giảm nhiều (-21,28%);

- Bưu chính viễn thông (-0,54%) do giá điện thoại di động thông thường (-1,49%), điện thoại di động thông minh và máy tính bảng (-4,99%).

*So với tháng 12/2022*, CPI tăng 1,53%, trong đó có 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, tăng nhiều nhất là các nhóm hàng:

- Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+6,13%) do giá điện sinh hoạt (+16,81%) và giá thuê nhà ở (+6,97%);

- Giao thông (+3,07%) do giá xăng (+9,03%) và giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại (+3,86%).

Ở chiều ngược lại có 3 nhóm hàng có chỉ số giá giảm:

- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,86%) do giá thực phẩm giảm, cụ thể: thịt gia súc (-6%); thịt chế biến (-2,72%); trứng các loại (-9,4%); rau tươi, khô, chế biến (-8,82%);

- Bưu chính viễn thông (-0,17%) do giá điện thoại di động thông thường (-0,43%); điện thoại di động thông minh và máy tính bảng (-3,35%);

- Văn hóa, giải trí và du lịch giảm nhẹ (-0,02%) do giá tivi màu (-1,49%).



*Bình quân 4 tháng năm 2023*, CPI tăng 3,48% so với cùng kỳ năm trước. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 9 nhóm hàng có chỉ số giá tăng.

- Các yếu tố làm tăng CPI 4 tháng đầu năm 2023 đó là:

+ Nhóm Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+7,27%) do giá điện sinh hoạt (+20,01%); giá thuê nhà ở (+7,72%);

+ Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (+5,29%) do giá dịch vụ thể thao (+10,9%); du lịch trọn gói (+14,6%);

+ Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+3,98%) do giá bột mì và ngũ cốc khác (+7,49%); lương thực chế biến (+7,72%); quả tươi, chế biến (+9,99%).

- Các yếu tố làm giảm CPI 4 tháng đầu năm 2023 đó là:

+ Nhóm giao thông (-2,95%) do giá nhiên liệu (-11,78%), trong đó: mặt hàng xăng (-12,44%); dầu diesel (-2,71%);

+ Nhóm bưu chính viễn thông (-0,37%) do giá điện thoại di động giảm: điện thoại di động thường (-1,02%); điện thoại di động thông minh và máy tính bảng (-3,46%).

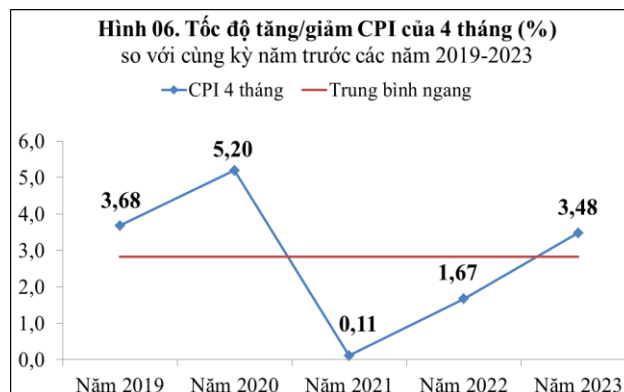
b) Chỉ số giá vàng và đôla Mỹ

*Trong tháng*, giá vàng trên địa bàn tỉnh biến động tăng theo xu hướng chung của giá vàng thế giới và trong nước. Giá vàng bình quân bán ra ở mức 5.546.000đ/chỉ, so với tháng trước tăng khá cao (+2,67%), đồng thời (+0,25%) so với cùng tháng năm trước và tăng cao (+4,82%) so với tháng 12/2022. *Tính chung 4 tháng*, giá vàng tăng giữ nguyên so với cùng kỳ năm trước.

Trái chiều với vàng, đồng đô la Mỹ lại có xu hướng giảm khi các dòng vốn có xu hướng chuyển dịch đầu tư vào vàng và chứng khoán. Giá bán USD bình quân trong tháng phổ biến ở mức 23.644 VND/USD. *Tháng 4*, giá đô la Mỹ giảm nhẹ (-0,86%) so với tháng trước, nhưng (+2,72%) so với cùng tháng năm trước, so với tháng 12/2022 giảm khá (-2,27%). *Tính chung 4 tháng*, giá đô la Mỹ tăng khá (+3,44%) so với cùng kỳ năm trước.

### **5.3. Xuất, nhập khẩu hàng hóa<sup>4</sup>**

*Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa*: Tháng 3/2023, sơ bộ đạt 5,8 tỷ USD, tăng 10,1% so với tháng trước nhưng giảm nhiều (-26,6%) so với cùng



<sup>4</sup> Nguồn: Trang Web Tổng cục Hải Quan; Số liệu Sơ bộ của tháng trước, không có ước tính của tháng báo cáo



tháng năm trước. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2023, đạt 16,9 tỷ USD, giảm nhiều (-17,96%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

+ Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, tháng 3/2023 sơ bộ đạt 3 tỷ USD, tăng 2,7% so với tháng trước nhưng giảm 28,6% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 3 tháng, đạt 9,3 tỷ USD, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm trước.

+ Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa, tháng 3/2023 sơ bộ đạt 2,8 tỷ USD, tăng 19,7% so với tháng trước nhưng giảm 24,3% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 3 tháng đạt 7,6 tỷ USD, giảm 23,2%.

*Cán cân thương mại hàng hóa: Tháng 3/2023, do xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu, nên đã xuất siêu 0,2 tỷ USD, bằng 6,7% kim ngạch xuất khẩu. Lũy kế 3 tháng, xuất siêu 1,7 tỷ USD, bằng 18,3% kim ngạch xuất khẩu.*

## **6. Giao thông vận tải**

*Sản lượng vận tải trong tháng tiếp tục ghi nhận mức tăng rất cao cả vận tải hành khách và vận tải hàng hóa (tuy nhiên, cùng thời điểm năm trước quy mô thấp do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19). Riêng doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải lại sụt giảm nhiều, do khó khăn chung trong sản xuất và hoạt động xuất nhập khẩu giảm nhiều.*

### **6.1. Sản lượng vận tải**

#### **6.1.1. Vận tải hành khách**

Tháng 4/2023, khối lượng vận chuyển ước đạt 1.625 nghìn lượt khách, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+1,3%) và tăng đột biến (+80%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 58,8 triệu lượt khách.km, (+1,2%) và tăng đột biến (+84,1%). Xét theo ngành vận tải:

+ *Vận tải hành khách đường bộ*, khối lượng vận chuyển ước đạt 1.614 nghìn lượt khách, (+1,3%) và tăng đột biến (+82,8%); khối lượng luân chuyển ước đạt 58,7 triệu lượt khách.km, (+1,2%) và tăng đột biến (+84,2%);

+ *Vận tải hành khách đường thủy*, khối lượng vận chuyển ước đạt 11 nghìn lượt khách, (+0,5%) nhưng (-43,2%), khối lượng luân chuyển ước đạt 0,01 triệu lượt khách.km, (+0,7%) nhưng (-32,9%).

*Tính chung 4 tháng*, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 6.284 nghìn lượt khách, (+78,5%) so với cùng kỳ năm trước; khối lượng luân chuyển ước đạt 227,9 triệu lượt khách.km, (+73,5%).

**Biểu 06. Vận tải hành khách 4 tháng năm 2023**  
**phân theo ngành vận tải**

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng tháng năm trước (%)	
	Vận chuyển (Nghìn HK)	Luân chuyển (Triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
<b>Tổng số</b>	<b>6.284</b>	<b>227,9</b>	<b>+78,5</b>	<b>+73,5</b>
Đường bộ	6.236	227,8	+81,0	+73,6
Đường thủy	48	0,1	-36,6	-23,9

*6.1.2. Vận tải hàng hóa*

Tháng 4/2023, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 3,9 triệu tấn, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+3,6%) và (+32,8%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 221,6 triệu tấn.km, (+1,6%) và (+42,2%). Xét theo ngành vận tải:

+ *Vận tải hàng hóa đường bộ*, khối lượng vận chuyển ước đạt 2,7 triệu tấn, (+4,9%) và (+39,6%); khối lượng luân chuyển ước đạt 72,4 triệu tấn.km, (+4,5%) và (+32,9%);

+ *Vận tải hàng hóa đường thủy*, khối lượng vận chuyển ước đạt 1,2 triệu tấn, (+0,8%) và (+42,6%), khối lượng luân chuyển ước đạt 149,2 triệu tấn.km, (+0,3%) và (+48%).

*Tính chung 4 tháng*, khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 15,5 triệu tấn, (+33,5%) so với cùng kỳ năm trước; khối lượng luân chuyển ước đạt 879,1 triệu tấn.km, (+38,2%).

**Biểu 07. Vận tải hàng hóa 4 tháng năm 2023**  
**phân theo ngành vận tải**

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so với cùng tháng năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu tấn)	Luân chuyển (Triệu tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
<b>Tổng số</b>	<b>15,5</b>	<b>879,1</b>	<b>+33,5</b>	<b>+38,2</b>
Đường bộ	10,8	295,1	+32,9	+26,2
Đường thủy	4,7	584,0	+35,1	+46,4

*6.2. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải*

Tháng 4, ước tính doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ vận tải ước đạt 753 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-7,6%) và (-3,7%). Doanh thu chung giảm chủ yếu do hoạt động dịch vụ hỗ trợ

vận tải giảm do chịu ảnh hưởng của hoạt động sản xuất công nghiệp chế xuất. *Phân theo ngành vận tải:* Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 80,5 tỷ đồng, (+1%) và tăng cao (+46,1%); doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 341,5 tỷ đồng, (+4,5%) và (+65,4%); riêng doanh thu hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 331 tỷ đồng, giảm ở cả 2 gốc so sánh (-19%) và (-36,3%).

*Tính chung 4 tháng,* ước tính doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ vận tải ước đạt 3.424,5 tỷ đồng, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước. *Xét theo loại hình kinh tế:* Doanh nghiệp Nhà nước ước đạt 75,5 tỷ đồng, (+21,1%); Doanh nghiệp ngoài Nhà nước ước đạt 1.794 tỷ đồng, (+39,1%); Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 1.555 tỷ đồng, (-12,7%). *Xét theo ngành vận tải:* Ngành vận tải hành khách (+51,2%); ngành vận tải hàng hóa (+51,4%); riêng ngành dịch vụ hỗ trợ vận tải giảm khá nhiều (-12,1%).

## 7. Thu, chi ngân sách Nhà nước (NSNN)<sup>5</sup>

*Tháng 4/2023, thu ngân sách Nhà nước tiếp tục giảm mạnh so với tháng trước và cùng kỳ năm trước, việc giảm nhiều trong tháng đã kéo lũy kế 4 tháng đầu năm 2023 giảm 9,3% so với cùng kỳ năm trước. Ở chiều ngược lại, chi ngân sách địa phương tháng 4/2023 tăng cao so với tháng trước và cùng tháng năm trước, do chi đầu tư phát triển tăng cao, lũy kế 4 tháng tăng nhẹ (+1,8%).*

### Hình 08. Thu, chi ngân sách Nhà nước 4 tháng năm 2023



#### 7.1. Thu ngân sách Nhà nước

*Tháng 4,* tổng thu NSNN giảm nhiều so với tháng trước và cùng tháng năm trước bởi quy mô sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm nhiều. Ước tính tổng thu NSNN tháng 4/2023 đạt 1.565 tỷ đồng, giảm nhiều ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-47,6%) và (-52,7%), trong đó: Thu nội địa ước đạt 915 tỷ đồng, sụt giảm nhiều (-61,2%) và (-65,5%); thu từ hải quan ước đạt 650 tỷ đồng, (+4,1%) nhưng (-1,2%). Trong thu nội địa có một

<sup>5</sup> Nguồn: Sở Tài chính

số khoản thu giảm nhiều như: DN có vốn ĐTTTNN giảm nhiều nhất, (-77%) và (81,6%); thu thuế ngoài Nhà nước (-62,7%) và (-59%); thu từ DNNN địa phương (-54,8%) và (-74,3%).

*Tính chung 4 tháng*, tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 11.621 tỷ đồng, bằng 36,7% dự toán năm 2023 và (-9,3%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu nội địa ước đạt 9.257 tỷ đồng, bằng 38,9% và (-9,1%); thu từ hải quan ước đạt 2.364 tỷ đồng, bằng 30,3% và (-10%). Trong thu nội địa, có 9/10 khoản thu bị giảm, giảm nhiều nhất là các khoản: Thu tiền sử dụng đất, bằng 2,2% và (-91,6%); thu thuế bảo vệ môi trường, bằng 15,2% và (-56,2%); riêng khoản thu từ DN có vốn ĐTTTNN có tỷ lệ thực hiện dự toán cao (bằng 49,8%) và tăng khá (+10,6%) so với cùng kỳ năm trước.

## **7.2. Chi ngân sách địa phương**

*Tháng 4*, tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 1.131 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+54,2%) và (+15,4%), trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 500 tỷ đồng, tăng hơn 3,6 lần và (+30,3%); chi thường xuyên ước đạt 630 tỷ đồng, (+5,7%) và (+6%). Trong chi thường xuyên có một số khoản tăng cao ở cả 2 gốc so sánh đó là: Chi an ninh (+97%) và gấp hơn 3,3 lần; Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn (+28,5%) và (+20,8%); Chi các hoạt động kinh tế, gấp hơn 4,3 lần và (+72,1%)

*Tính chung 4 tháng*, tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 4.962 tỷ đồng, bằng 24,4% dự toán năm 2023, (+1,8%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: chi đầu tư phát triển ước đạt 2.479 tỷ đồng, bằng 43,7% và (+3,7%); chi thường xuyên ước đạt 2.391 tỷ đồng, bằng 22% và (-3,7%). Trong chi thường xuyên có một số khoản chi có mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Chi an ninh, bằng 34,4% và (+28,8%); chi khoa học và công nghệ, bằng 51,7% và (+18,3%); chi thể dục thể thao, bằng 20% và (+11,6%). Ngược lại, các khoản chi có mức chi giảm nhiều so với cùng kỳ là: Chi thường xuyên khác, bằng 7,8% và (-72,7%); chi bảo vệ môi trường, bằng 12,1% và (-24,7%); chi quốc phòng, bằng 16% và (-23,3%).

## **8. Ngân hàng - Tín dụng<sup>6</sup>**

*Tốc độ tăng trưởng tín dụng tháng 4/2023 đang thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm ngoái, mặc dù ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hạ mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ*

<sup>6</sup> Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh

*nền kinh tế phục hồi. Tăng trưởng tín dụng thấp, do áp lực lạm phát, thanh khoản còn hạn chế thị trường vốn chưa được khơi thông.*

Trong tháng, các chi nhánh NH tiếp tục triển khai thực hiện các quyết định mới về lãi suất: Quyết định số 575/QĐ-NHNN ngày 31/3/2023 “Về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD, CNNHNNg) theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014”; Quyết định số 576/QĐ-NHNN ngày 31/3/2023 “Về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của TCTD, CNNHNNg đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016”

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Ninh tiếp tục chủ động làm tốt công tác tham mưu với UBND tỉnh, tích cực triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các cơ chế chính sách của Nhà nước, các giải pháp chỉ đạo, điều hành của Ngân hàng Nhà nước và của tỉnh đến các Chi nhánh NH, QTDND, đơn vị có liên quan trên địa bàn Các NH, TCTD trên địa bàn chủ động, tích cực triển khai các giải pháp nhằm thu hút nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế. *Ước tính đến cuối tháng 4/2023*, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt 203.000 tỷ đồng, tăng nhẹ (+0,3%) so với tháng trước nhưng (-2,7%) so với cùng tháng năm trước và (-9,6%) so với thời điểm cuối năm 2022, trong đó: Tiền gửi cá nhân đạt 111.300 tỷ đồng, (-1,5%), (+14,2%) và (+8,3%); tiền gửi của các tổ chức đạt 85.900 tỷ đồng, (+3,9%), (-18,4%) và (-25,3%); nguồn vốn huy động khác đạt 3.000 tỷ đồng, (-22,7%), (-23,7%) và (-28,3%); phát hành giấy tờ có giá đạt 2.800 tỷ đồng (+3,6%), (+27,4%) và (+14,5%).

Cũng trong tháng 4/2023, các chi nhánh NH, TCTD trên địa bàn tiếp tục triển khai nhiều giải pháp tích cực nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, như giảm lãi suất cho vay, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ 4.0 trong phát triển sản phẩm, dịch vụ NH, triển khai nhiều gói vay ưu đãi, hướng tín dụng vào lĩnh vực ưu tiên, tập trung cho vay sản xuất kinh doanh. *Tính đến cuối tháng 4/2023*, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh đạt 150.900 tỷ đồng, (+0,8%) so với tháng trước, (+11,2%) so với cùng tháng năm trước và (+3,6%) so với thời điểm cuối năm 2022, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 106.000 tỷ đồng, (+0,6%), (+14,2%) và (+5,3%); dư nợ cho vay trung, dài hạn đạt 44.900 tỷ đồng, (+1,4%), (+4,6%) và giữ nguyên so với thời điểm cuối năm 2022. Cơ cấu tín dụng nhìn chung duy trì theo hướng tập trung vào lĩnh vực sản

xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, hỗ trợ tích cực doanh nghiệp và người dân, phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh; tỷ trọng dư nợ các lĩnh vực Nông nghiệp - Công nghiệp xây dựng - Thương mại dịch vụ tương ứng là 5,6%-33,1%-61,3%.

Về chất lượng tín dụng: Các chi nhánh NH, TCTD trên địa bàn tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của NHNN Việt Nam và của Hội sở chính trong việc triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xử lý, thu hồi, cũng như ngăn ngừa rủi ro nợ xấu. Đến 12/4/2023, nợ xấu trên địa bàn chiếm tỷ lệ 1,31% tổng dư nợ cho vay. *Ước tính đến hết 30/4/2023*, nợ xấu trên địa bàn là 2.000 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,33% tổng dư nợ cho vay.

## **9. Một số vấn đề xã hội**

### ***9.1. Lao động, giải quyết việc làm, an sinh xã hội<sup>7</sup>***

*Lao động và giải quyết việc làm:*

Trong tháng, ngành chức năng, tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng cường phòng, chống dịch bệnh; duy trì tổ chức tốt mạng lưới dịch vụ cung ứng lao động, giao dịch, giới thiệu việc làm như thực hiện các phiên giao dịch việc làm định kỳ, phối hợp tốt với các doanh nghiệp trong tỉnh, doanh nghiệp đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các địa phương tổ chức các phiên giao dịch việc làm để kết nối thông tin thị trường lao động. Ngoài ra, tăng cường hoạt động giám sát các biện pháp công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong điều kiện mới, đặc biệt đối với công nhân lao động của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

*Công tác an sinh, phúc lợi xã hội*, được đảm bảo, giải quyết chế độ chính sách đối với người có công. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nghị quyết quy định chuẩn nghèo đa chiều tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2023-2025 và Nghị quyết về chính sách hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em; kế hoạch hành động phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em. Đẩy mạnh các hoạt động, công tác phòng chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

### ***9.2. Hoạt động y tế, phòng, chống dịch bệnh<sup>8</sup>, ngộ độc thực phẩm***

Trong tháng, ngành chức năng tăng cường triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, trong đó phòng chống dịch Covid-19 vẫn là ưu tiên hàng đầu; phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, Marburg (*Mác-bóc*) và dịch bệnh truyền

<sup>7</sup> Căn cứ nguồn số liệu báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

<sup>8</sup> Nguồn: Sở Y tế

nhiệm khác... Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho nhân dân. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị khám chữa bệnh thực hiện nghiêm công tác phân luồng, phân tuyến, phân loại người bệnh ngay từ khi nhập viện; tăng cường triển khai thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chíp; đẩy mạnh kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong công tác khám chữa bệnh, phục hồi chức năng. Duy trì công tác lập hồ sơ quản lý sức khỏe người dân trên phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử tại 126/126 trạm y tế xã, phường, thị trấn.

Công tác giám sát các bệnh truyền nhiễm gây dịch, đặc biệt là các ổ dịch cũ tại cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, các khu công nghiệp và khu dân cư có nguy cơ cao, phát hiện kịp thời, ngăn chặn, xử lý triệt để không để dịch lây lan. Từ đầu năm 2023 đến ngày 12/4/2023 ghi nhận 09 trường hợp sốt xuất huyết Dengue, 641 trường hợp mắc cúm mùa - hội chứng cúm, 22 trường hợp mắc tay chân miệng, 08 trường hợp sốt phát ban nghi Sởi/Rubella; Không có trường hợp mắc Mác-bóc, Đậu mùa khỉ, viêm não Nhật Bản.

- *Công tác an toàn thực phẩm*<sup>9</sup>: Trong tháng, ngành chức năng tiếp tục triển khai hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục các sự cố về an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh, giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm; thực hiện các hoạt động truyền thông, các lớp tập huấn nhằm nâng cao nhận thức của người quản lý, người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng về đảm bảo an toàn thực phẩm thông qua các phương tiện truyền thông, các kênh báo, đài. Trong tháng, trên địa bàn toàn tỉnh không xảy ra ngộ độc thực phẩm. Ngành chức năng đã tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, trong tháng đã tiến hành kiểm tra: 277 cơ sở SXKD thực phẩm, trong đó có 260 cơ sở đạt yêu cầu (chiếm 93,9%), không đạt yêu cầu 16 cơ sở (chiếm 6,1%).

### **9.3. Giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ**

*Giáo dục và đào tạo*<sup>10</sup>: Trong tháng, ngành giáo dục tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trọng tâm học kỳ 2 năm học 2022-2023 và tăng cường công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; chỉ đạo công tác phòng, chống dịch Covid-19, bảo an toàn cho học sinh đi học trực tiếp trong các cơ sở giáo dục; công tác chuẩn bị cho kiểm tra, đánh giá chất lượng cuối học kỳ 2 đối với giáo dục phổ thông năm học 2022-2023 theo kế hoạch. Phong trào thi đua sáng

<sup>9</sup> Nguồn: Ban quản lý an toàn thực phẩm tỉnh

<sup>10</sup> Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo;

tạo trong “Dạy tốt, Học tốt, Quản lý tốt”; công tác truyền thông giáo dục tiếp tục được quan tâm, đổi mới.v.v...

*Hoạt động khoa học và công nghệ<sup>11</sup> (KH&CN):* Trong tháng, hoạt động KH&CN đã được triển khai bảo đảm kế hoạch. Các đề tài, dự án KH&CN đang được triển khai đúng tiến độ. Hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN tiếp tục được duy trì (*đã thẩm định và cấp 08 giấy phép tiến hành công việc bức xạ, 04 chứng chỉ cho nhân viên bức xạ; tư vấn, hướng dẫn 07 đơn vị lập hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa và kiểu dáng công nghiệp; tiếp nhận và giải quyết 72 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu kiểm định hiệu chuẩn 590 phương tiện đo các loại; kiểm nghiệm, thử nghiệm 123 mẫu sản phẩm hàng hóa...*). Hoạt động thông tin KH&CN tiếp tục được duy trì, cập nhật thường xuyên nhằm tuyên truyền, phổ biến các thành tựu về KH&CN phục vụ sản xuất và đời sống.

#### **9.4. Văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình<sup>12</sup>**

##### **a) Hoạt động văn hóa**

- Trong tháng ngành chức năng đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị thường xuyên và đột xuất, với nhiều hình thức: Tuyên truyền ngày Quốc tế hạnh phúc (20/3), ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3), ngày Thể thao Việt Nam (27/3); tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh, tổ chức thành công 13 buổi biểu diễn (*phục vụ nhiệm vụ chính trị 09 buổi, doanh thu 04 buổi*), tiêu biểu là các chương trình nghệ thuật chào mừng huyện Quê Võ và huyện Thuận Thành trở thành thị xã; phối hợp tổ chức thành công chương trình nghệ thuật và “Ngày tìm hiểu Việt Nam 2023 - Vẻ đẹp Bắc Ninh - Kinh Bắc” của Đoàn trưởng cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế về thăm và làm việc tại tỉnh Bắc Ninh.

- Trung tâm Văn hóa tỉnh, tổ chức 48 buổi chiếu phim lưu động phục vụ nhiệm vụ chính trị, tiêu biểu là tổ chức hoạt động chiếu phim kỷ niệm 80 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943 - 2023); tuyên truyền lưu động về “An toàn giao thông” được 27 buổi tại các trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh với chủ đề: “Thượng tôn pháp luật để xây dựng văn hóa giao thông an toàn”.

- Thư viện tỉnh, cấp, đổi 424 thẻ bạn đọc, tổng số thẻ hiện đang phục vụ là 8.151 thẻ; phục vụ 2.377 lượt bạn đọc; luân chuyển 8.844 lượt sách, 1.120 lượt báo, tạp chí các loại; đón tiếp 160 học sinh Trường Mầm non Bầu trời xanh và Hoa Quỳnh đến thăm quan trải nghiệm các hoạt động thư viện.

<sup>11</sup> Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ;

<sup>12</sup> Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và Du lịch.



- Bảo tàng tỉnh, đón tiếp và hướng dẫn 3.035 khách đến tham quan, nghiên cứu, trải nghiệm; hoàn thành kế hoạch, đề cương, ma kết trưng bày chuyên đề “Chủ tịch Hồ Chí Minh với đảng bộ và nhân dân Bắc Ninh”; ...

- Công tác Bảo tồn di tích, được quan tâm, có nhiều chính sách để gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa lịch sử.

#### b) Thể dục thể thao

- Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh, tổ chức vận động viên tham gia thi đấu 02 giải quốc tế, đạt 01 HC Đồng; 03 giải thể thao quốc gia đạt 07 HC Vàng, 07 HC Bạc, 14 HC Đồng; tổ chức thành công giải Chạy Nagakawa “Khỏe để lập nghiệp và giữ nước” cúp báo Bắc Ninh lần thứ XXVII năm 2023; phối hợp tổ chức môn Bóng chuyên hơi Hội thao Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bắc Ninh.

- Trung tâm Đào tạo Bóng chuyên tỉnh duy trì công tác đào tạo, quản lý VĐV thường xuyên theo kế hoạch; đồng ý cho VĐV Đinh Thị Vân tham gia tập luyện và thi đấu cho Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh Thái Nguyên tại giải Bóng chuyên A Quốc gia năm 2023; duy trì công tác tuyển chọn VĐV tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh; phối hợp với nhà tài trợ hoàn thiện thủ tục kết thúc hợp đồng với 02 VĐV nước ngoài; hoàn thiện hồ sơ xin cấp phép lao động cho chuyên gia Nhật Bản.

#### c) Phát thanh truyền hình

- Phát thanh: Sản xuất và phát sóng 90 chương trình thời sự tổng hợp. 180 chương trình chuyên đề, chuyên mục; 30 chương trình văn nghệ, ca nhạc. Phát sóng 495,5 giờ, chất lượng tốt.

- Truyền hình: Sản xuất và phát sóng 180 chương trình thời sự tổng hợp; 93 chương trình tạp chí, chuyên mục, chuyên đề; 75 chương trình văn nghệ; 75 chương trình thể thao; 30 chương trình dành cho thiếu nhi. Phát sóng 720 giờ, chất lượng tốt.

- Thông tin điện tử: Upload 60 chương trình truyền hình, 30 chương trình phát thanh, 30 các chương trình sân chơi, tạp chí, chuyên mục. Tổng số lượt người truy cập trong tháng 66.750 lượt.

### **9.5. An ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông**

#### *An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội:*

- Quân sự<sup>13</sup>: Các đơn vị duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, trực phòng không, xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật; tuần tra canh gác, KSQS bảo đảm an toàn. Nắm chắc tình hình tư tưởng bộ đội, dư luận nhân dân trên địa bàn; Bảo đảm tốt công tác hậu cần, kỹ thuật cho các nhiệm vụ; bảo đảm xăng dầu vận tải theo kế hoạch cơ quan, đơn vị an toàn.

<sup>13</sup> Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh

- Công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội <sup>14</sup>:

+ Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục ổn định. Lực lượng Công an tỉnh đã chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở, nhất là tình hình liên quan đến Dự án đường vành đai 4;

+ Công tác đấu tranh phòng chống, tội phạm: (1) *Về phạm pháp hình sự: Tháng 4*, xảy ra 63 vụ (so với tháng 3/2023 tăng 20 vụ = 32,7%), làm 10 người bị thương, tài sản thiệt hại gần 3,53 tỷ đồng, bắt giữ 72 đối tượng. *Tính chung 4 tháng* xảy ra 200 vụ, tài sản thiệt hại hơn 12 tỷ đồng, làm 08 người chết, 40 người bị thương; (2) *Cờ bạc: Tháng 4*, bắt giữ 08 vụ, 46 đối tượng (so với tháng 3/2023 giảm 04 vụ), thu giữ 208,5 triệu đồng tiền mặt, khởi tố 08 vụ, 44 bị can. *Tính chung 4 tháng*, xảy ra 38 vụ, 260 đối tượng; (3) *Mại dâm: Tháng 4*, bắt 02 vụ, 14 đối tượng (so với tháng 3/2023 tăng 02 vụ), khởi tố 02 vụ, 02 bị can. *Tính chung 4 tháng*, bắt 12 vụ, 70 đối tượng, khởi tố 12 vụ, 13 bị can; (4) *Tội phạm về kinh tế tham nhũng, buôn lậu: Tháng 4*, phát hiện, xử lý 26 vụ việc, 50 đối tượng (so với tháng 3/2023 tăng 05 vụ, 14 đối tượng), khởi tố 02 vụ, 25 bị can, xử lý hành chính 23 vụ, 24 đối tượng, số tiền phạt 347,25 triệu đồng; đang tiếp tục xác minh, làm rõ 01 vụ, 01 đối tượng. *Tính chung 4 tháng*, phát hiện 127 vụ việc, 192 đối tượng; khởi tố 24 vụ, 90 bị can; còn lại xử lý hành chính; (5) *Tội phạm về ma túy: Tháng 4*, phát hiện, bắt giữ 69 vụ, 92 đối tượng vận chuyển, mua bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (so với tháng 3/2023 tăng 10 vụ, giảm 04 đối tượng), thu giữ 2.492,175 gam heroin, 2.523,496 gam MTH. Lập hồ sơ khởi tố 64 vụ, 82 bị can, còn lại XLHC. *Tính chung 4 tháng*, phát hiện, bắt giữ 273 vụ, 425 đối, 250 vụ, 353 bị can.

*Tình hình an toàn giao thông: Trong tháng*, xảy ra 04 vụ TNGT, làm 02 người bị thương (3/2023, giảm 02 vụ, giảm 01 người chết, giảm 01 người bị thương). *Tính chung 4 tháng*, xảy ra 15 vụ TNGT, làm chết 09 người, bị thương 05 người. Ngành chức năng đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai xây dựng “Tỉnh an toàn giao thông”; ban hành Công điện số 1070/CD-UBND ngày 13/4/2023 về mở đợt cao điểm tổng kiểm tra, xử lý vi phạm về TTATGT, trật tự công cộng, trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh. Xử phạt 2.415 trường hợp, với số tiền trên 7,5 tỷ đồng, tước giấy phép lái xe 785 trường hợp (trong đó, xử phạt qua hệ thống camera giao thông 99 trường hợp, với số tiền gần 232 triệu đồng). Phối hợp xây dựng, đăng tải 97 tin bài, phóng sự tuyên truyền, hướng dẫn Luật giao thông.

<sup>14</sup> Nguồn: Công an tỉnh Bắc Ninh

## **9.6. Phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường<sup>15</sup>**

*Công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ (CNCH):* Trong tháng, không xảy ra vụ cháy nào (so với tháng 03/2023 giảm 01 vụ). Tính chung 04 tháng xảy ra 05 vụ cháy, không xảy ra nổ. Kiểm tra, xử lý 43 cơ sở, với số tiền trên 300 triệu đồng, tạm đình chỉ hoạt động 03 cơ sở, đình chỉ hoạt động 01 cơ sở. Cấp 04 giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC; nghiệm thu 20 công trình về PCCC.

*Công tác bảo vệ môi trường,* trong tháng, kiểm tra, phát hiện 37 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (so với tháng 3/2023 tăng 11 vụ). Đã xác minh làm rõ 29 vụ, xử phạt hành chính 12 tổ chức, 17 cá nhân, số tiền phạt 661 triệu đồng; đang tiếp tục xác minh làm rõ 08 vụ. Ngoài ra, làm rõ 11 vụ từ tháng trước; xử phạt 04 tổ chức, 07 cá nhân, số tiền phạt 378,6 triệu đồng. Tính chung 4 tháng đầu năm, phát hiện 141 vụ; làm rõ 129 vụ, xử phạt 33 tổ chức, 96 cá nhân, số tiền phạt 1.893 triệu đồng; đang tiếp tục xác minh làm rõ 12 vụ.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP**

### **1. Khái quát chung**

Trong những tháng đầu năm 2023, kinh tế thế giới gia tăng khó khăn làm cho sức cầu hàng hóa ở một số quốc gia, khu vực sụt giảm, nhiều loại vật tư, hàng hóa tăng đã ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế của tỉnh; tạo nên mảng tối của bức tranh kinh tế; cụ thể như sau: (1) Sản xuất công nghiệp chế xuất giảm là nhân tố chính kéo IIP của 4 tháng đầu năm giảm sâu so với cùng kỳ năm trước (-18,47%); (2) Cùng xu hướng sản xuất công nghiệp chỉ số sử dụng lao động giảm khá nhiều (-10,9%); (3) Song song đó là xuất khẩu giảm nhiều (-13,13% - Số liệu 3 tháng đầu năm); (4) Kéo theo đó là hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải (Logistic) cũng bị sụt giảm (-12,1%); (5) Đặc biệt, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước tính lũy kế đến hết tháng 4 giảm khá nhiều (-9,3%) và tiến độ thu mới đạt 36,7% kế hoạch; (6) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước giảm nhiều (-9,1%).

Song ở chiều ngược lại, vẫn có những điểm sáng trong nền kinh tế của tỉnh đó là: (1) Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch, bệnh trên địa bàn; (2) Về kinh tế một số ngành, lĩnh vực đạt kết quả tốt như: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng rất cao (+24,5%); Cán cân thương mại xuất siêu 1,7 tỷ USD; Sản lượng vận tải hành khách vận chuyển tăng mạnh (+78,5%); sản lượng vận chuyển hàng hóa tăng (+33,5%);

<sup>15</sup> Nguồn: Công an tỉnh Bắc Ninh

Tổng dư nợ tín dụng tăng khá (+11,2%); Ngoài ra, giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tiếp tục được kiểm soát tốt không có biến động lớn về giá cả thị trường. (3) Chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục được nâng lên; Các chính sách an sinh xã hội và cho người lao động thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. (4) An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Tai nạn giao thông giảm 2 tiêu chí và 1 tiêu chí tương đương so với cùng kỳ.

## **2. Một số giải pháp vượt qua khó khăn hiện nay**

- Các chính sách hỗ trợ và đầu tư công sẽ là một lực đẩy quan trọng, làm bệ đỡ cho việc phục hồi và tăng trưởng kinh tế trong năm nay và các năm tiếp theo, giúp thúc đẩy ngành xây dựng và các hoạt động kinh tế liên quan khác. Cùng với đó là chính sách nới lỏng tiền tệ trong tháng 3 vừa rồi, giải ngân đầu tư công được kỳ vọng mang lại tác động đa chiều, tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ cho nền kinh tế;

- Khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp công nghiệp trong thời kỳ lạm phát các nước tăng cao, thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp và giảm sút (đặc biệt là xuất khẩu). Vì vậy, doanh nghiệp rất cần hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm như: hỗ trợ thuế, phí xuất khẩu, ...;

- Các cơ quan chức năng tiếp tục kiểm soát giá và chất lượng nguyên vật liệu xây dựng phục vụ cho các dự án đầu tư công. Cập nhật, điều chỉnh, công bố giá vật liệu xây dựng theo tháng đảm bảo đúng quy định của Luật xây dựng là cơ sở điều chỉnh gói thầu, tổng mức đầu tư của dự án, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho chủ đầu tư, nhà thầu thi công;

- Ngoài ra, đơn vị cũng đẩy mạnh thực hiện các chương trình khuyến công địa phương năm 2023 để hỗ trợ các DN vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị. Các ngành cần tổ chức gặp gỡ, đối thoại với DN để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc;

- Đối với các doanh nghiệp cần đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa ngành hàng để giảm bớt sự phụ thuộc vào các thị trường truyền thống./.

### **Nơi nhận:**

- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP tỉnh uỷ, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Vụ TKTH (TCTK);
- Sở KHĐT, Sở Tài chính, NHNN tỉnh;
- Phòng ANKT (CA tỉnh); Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- LĐ Cục, các phòng thuộc CQ Cục;
- Chi cục Thống kê các H, TX, TP;
- Lưu: TKTH, VT.

### **Q. CỤC TRƯỞNG**

**Vũ Minh Giang**

